

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/DS-ST;  
Ngày: 30/9/2020;  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều;**

2/ Bà **Võ Ngọc Phương;**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXX-ST ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Huỳnh Thị B** - sinh năm 1960;

HKTT: Số 55/7 Khu phố 2, Đường A, Phường 2, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú : Số 607 tổ 17, ấp 1, xã N, thành phố K, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Ngọc C** - sinh năm 1963 ;

HKTT: Số 55/7 Khu phố 2, Đường A, Phường 2, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú : Số 607 tổ 17, ấp 1, xã N, Tp.K, Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Nguyễn Thị Ngọc D** - sinh năm: 1964;

Địa chỉ: ấp L, xã Y, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

1/ **Văn Thị M** - sinh năm 1941;

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Nguyễn Ngọc C** - sinh năm 1963 ;

HKTT: 55/7 Khu phố 2, Đường A, Phường 2, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú : Số 607 tổ 17, ấp 1, xã N, thành phố K, Tiền Giang.

(Có mặt bà B, ông C và bà D; bà Hằng vắng mặt.)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị B. Vào tháng 12/2015, bà D có vay của bà B nhiều tiền, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay khoảng 01 năm, những lần vay tiền bà D đều viết biên nhận cho bà B. Sau khi nhận tiền vay, bà D có đóng lãi nhưng không đầy đủ và với số tiền bao nhiêu thì bà B không nhớ rõ. Khi đến hạn trả nợ bà D không trả vốn cho bà B.

Đến ngày 22/4/2020, bà D và bà B có tổng kết nợ và bà D có viết lại biên nhận mới cho bà B, đồng thời cam kết đến ngày 30/5/2020 sẽ hoàn trả vốn và lãi cho bà B. Khi đến hạn trả tiền, bà D vẫn không trả vốn và lãi cho bà B. Biên nhận mượn vay tiền đề ngày 22/4/2020 là do bà D tự viết và ký tên vào biên nhận cho bà B. Đối với lời trình bày của bà D tại bản tự khai ngày 21/8/2020, ông C xác định là không đúng sự thật. Số tiền bà B cho bà D vay là tài sản chung của vợ chồng ông C nhưng trong vụ án này ông C để bà B toàn quyền quyết định.

Nay bà Huỳnh Thị B yêu cầu bà Nguyễn Ngọc D trả cho bà B số tiền vốn vay là 2.185.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng), cộng với tiền lãi theo lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày khởi kiện là 72.979.000 đồng, tổng cộng là 2.257.979.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Tại bản tự khai ngày 21/8/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà D có ký nợ dùm hồ sơ vay công chứng của bà Văn Thị M, sinh năm 1941; địa chỉ ấp Mỹ Tho, xã Y, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vay 500.000.000 đồng của bà B và ông C. Hồ sơ vay giữa bà M và vợ chồng ông C có chữ ký bảo lãnh của bà D, bà D sẽ cung cấp cho Tòa án trong lần hòa giải sau. Bà D thừa nhận chữ ký “D” trong biên nhận mượn vay tiền ngày 22/4/2020 do bà B cung cấp là chữ ký của bà D. Lý do bà D ký tên vào biên nhận là do trong hợp đồng vay công chứng Cửu Long là do bà Văn Thị M đứng vay tiền của ông C, ông C yêu cầu bà D ký tên bảo lãnh cho bà M có nhận tiền vay của ông C. Từ đó, ông C và bà B yêu cầu bà D làm biên nhận cho ông C và bà B.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị M vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà D về số tiền lãi, cụ thể ông Hùng yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử. Đồng thời ông Hùng xác định tính đến ngày 22/4/2020, bà D tổng cộng nợ bà B là 2.185.000.000 đồng, đối với các biên nhận trước ngày 22/4/2020 không còn giá trị.

\* Tại phiên tòa, đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D trả cho bà B số tiền vay vào ngày 22/4/2020 nhưng đến nay chưa trả, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Bà Văn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hằng.

[3] Tại Bản tự khai ngày 21/8/2020 và tại phiên tòa, bà D thừa nhận chữ ký “D” tại Biên nhận mượn vay tiền ngày 22/4/2020 do bà B cung cấp là chữ ký của bà D và nội dung biên nhận là do bà D viết. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định sự việc bà D nợ tiền của bà B là có thật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, Tòa xét thấy: Bà D vay tiền của bà B với số tiền 2.185.000.000 đồng vào ngày 22/4/2020, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/5/2020. Tuy nhiên đến nay, bà D vẫn chưa trả vốn cho bà B nên bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà B có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà B yêu cầu tính lãi trên số tiền 2.185.000.000 đồng, tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tổng cộng 04 tháng) với lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, bà D phải trả cho bà B số tiền lãi là:

$2.185.000.000 \text{ đồng} \times 50\% \times 20\%/\text{năm} \times 04 \text{ tháng} = 72.833.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi:  $2.185.000.000 \text{ đồng} + 72.833.000 \text{ đồng} = 2.257.833.000 \text{ đồng}.$

[6] Đối với ý kiến của bà D, Tòa xét thấy: Bà D cho rằng bà D chỉ là người bảo lãnh cho bà Văn Thị M để đảm bảo cho bà M vay tiền của ông C và bà B. Tài liệu, chứng cứ bà D cung cấp là Văn bản thỏa thuận về việc giao nhận tiền ngày 29/12/2015 giữa hộ bà Văn Thị M và ông Nguyễn Ngọc C; Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/12/2015 giữa hộ bà Văn Thị M và bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1962; địa chỉ số 32H Lê Đại hành, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Văn bản hủy bỏ Văn bản thỏa thuận về tài sản trên đất ngày 29/12/2015 giữa hộ bà Văn Thị M và bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1962; địa chỉ số 32H Lê Đại hành, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 29/12/2015 giữa bà Nguyễn Thị Hồng và bà Văn Thị M. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ do bà D cung cấp chỉ thể hiện các giao dịch giữa hộ bà Văn Thị M và bà Nguyễn Thị Hồng sinh năm 1962; địa chỉ số 32H Lê Đại hành, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền

Giang và thỏa thuận giao nhận tiền giữa hộ bà Văn Thị M và ông Nguyễn Ngọc C. Các tài liệu, chứng cứ trên không có nội dung nào thể hiện bà D bảo lãnh cho bà M vay tiền của ông C và bà B; trong khi đó bà D thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà D tại Biên nhận ngày 22/4/2020. Do đó lời trình bày của bà D không có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà B.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền vốn là 2.185.000.000 đồng và tiền lãi là 72.833.000 đồng, tổng cộng là 2.257.833.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ chịu 77.157.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu một trăm năm mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.579.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004008 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

**Cao Thị Thu Thủy**